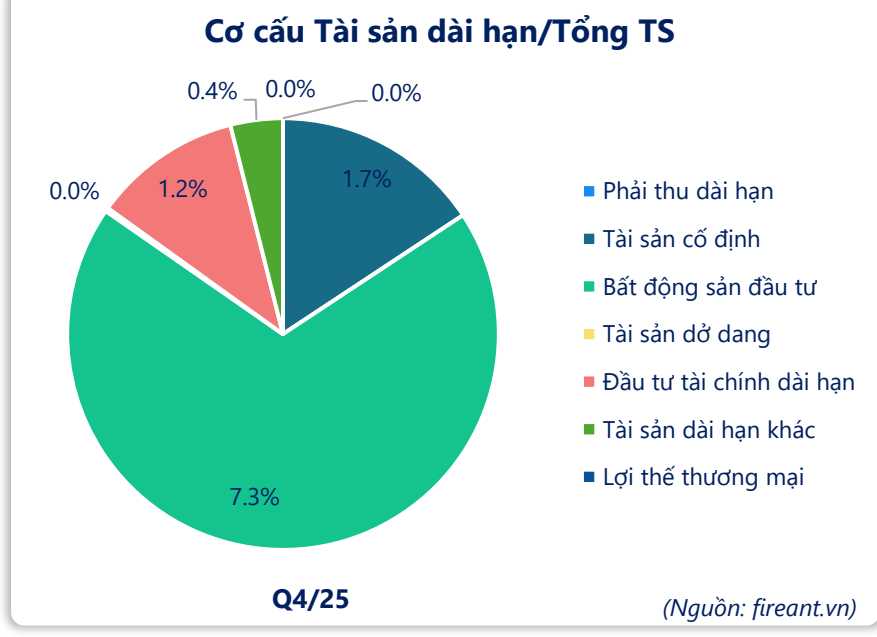
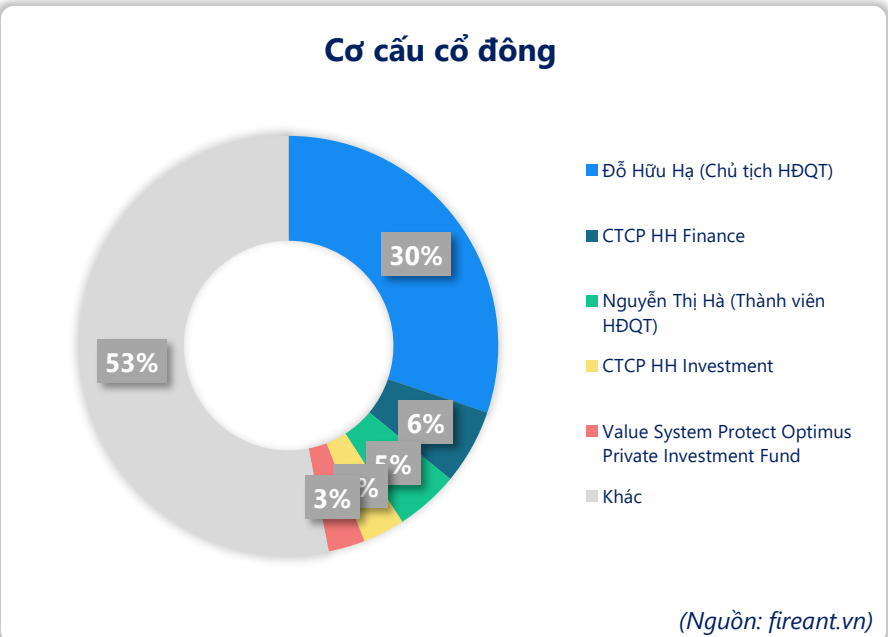
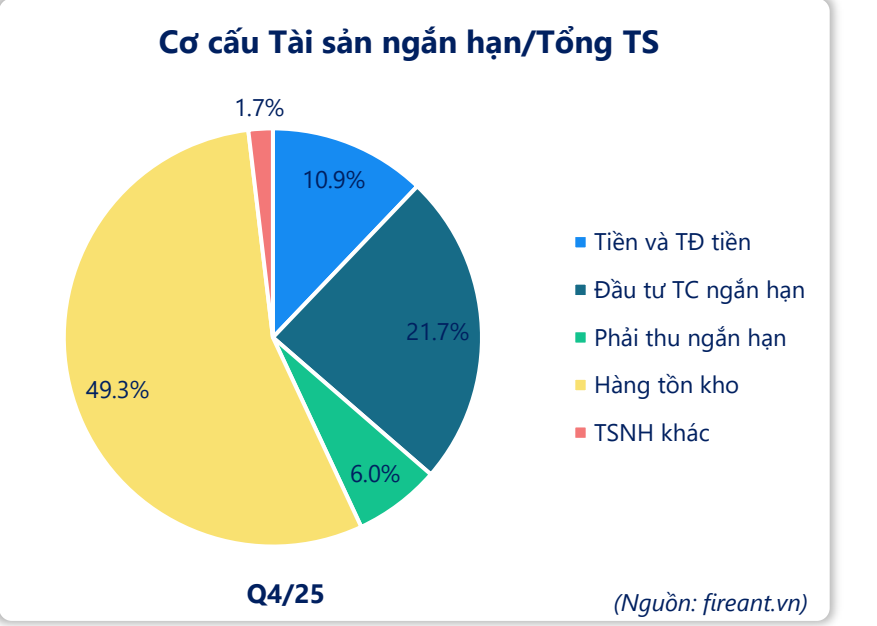
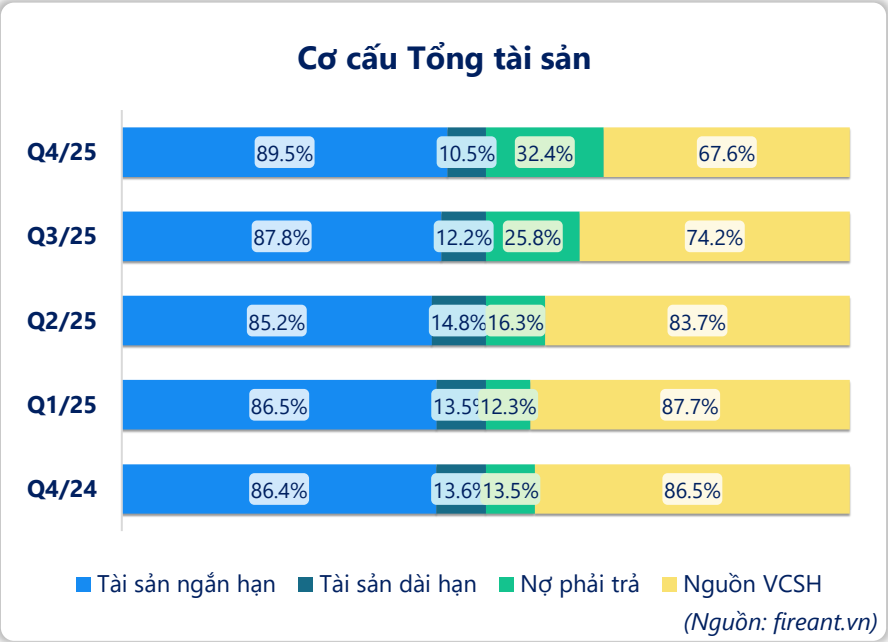
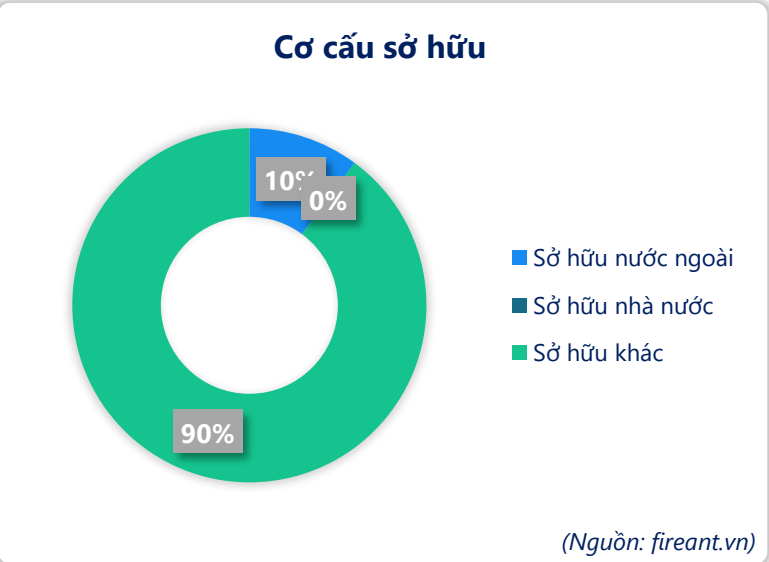
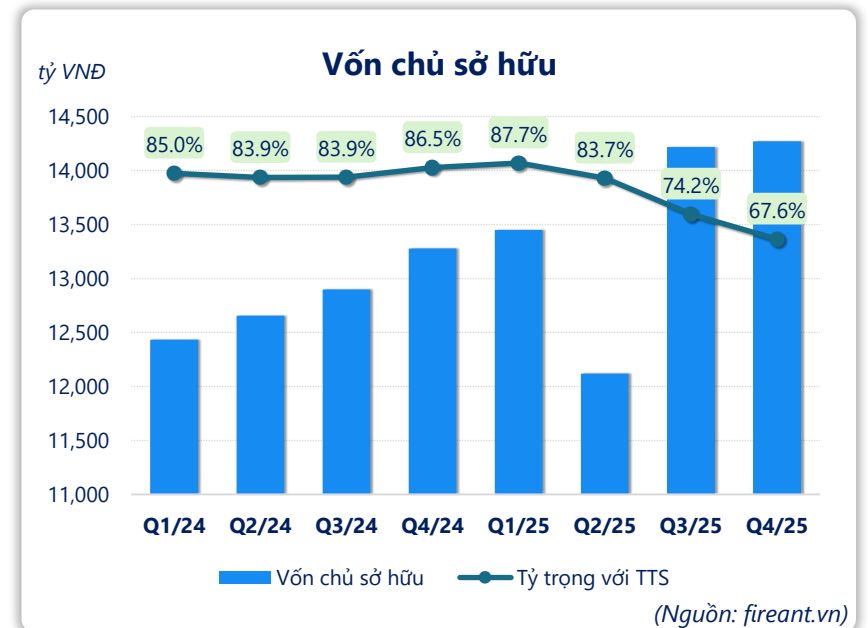
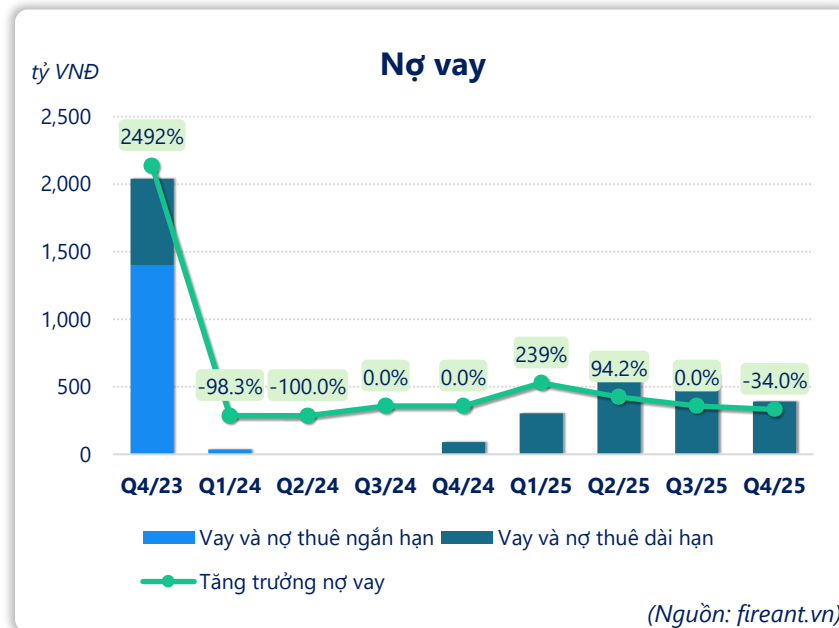
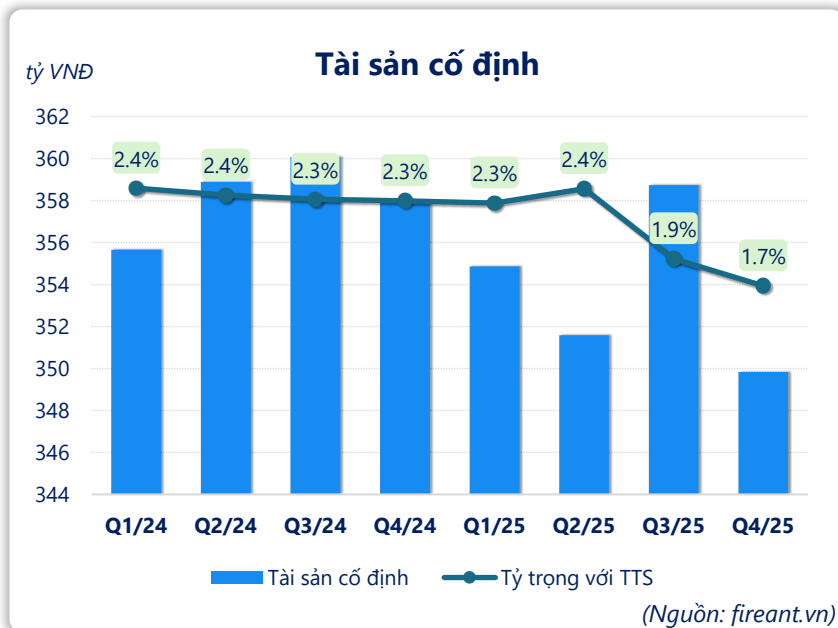
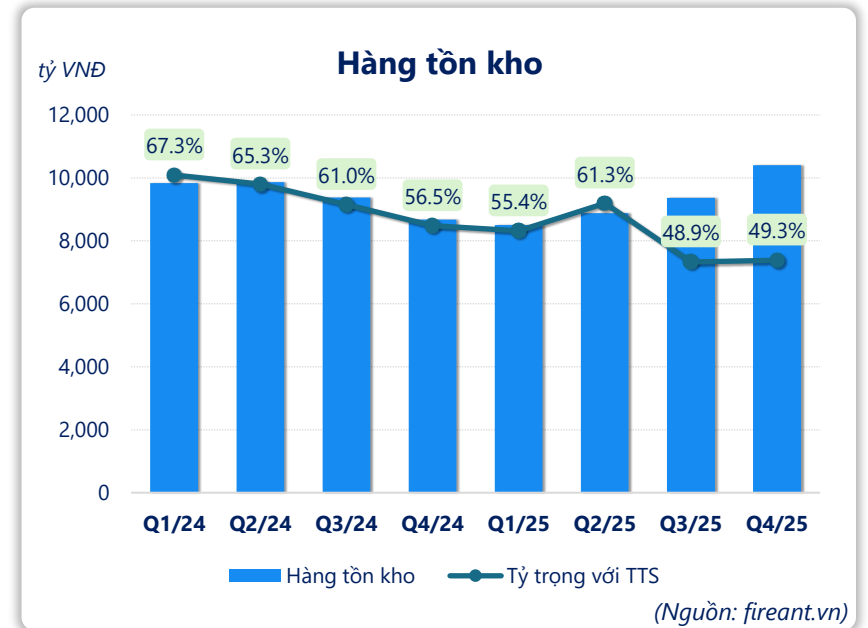
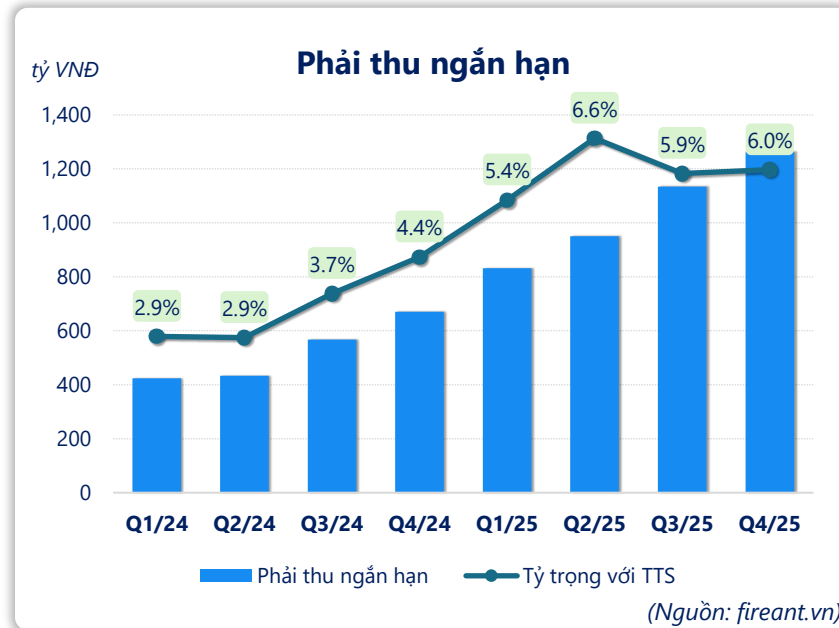
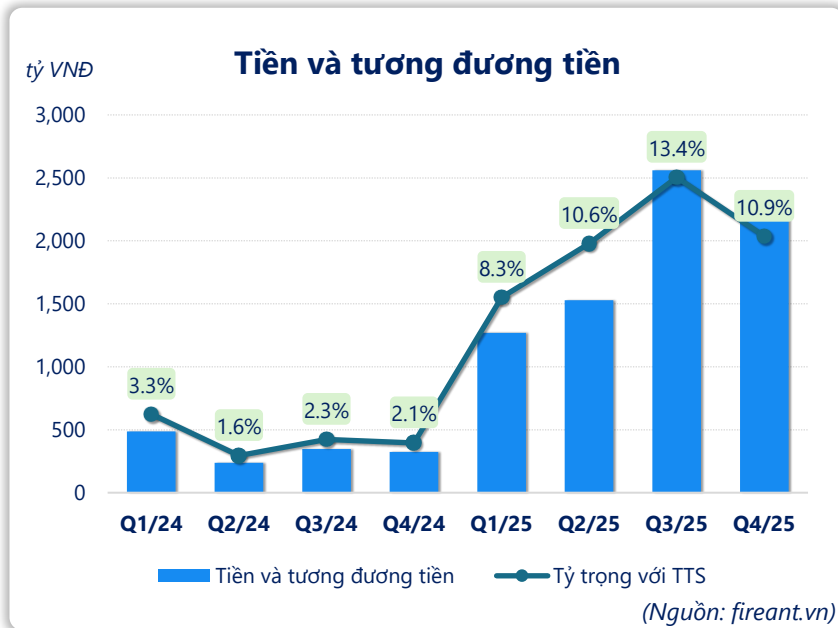
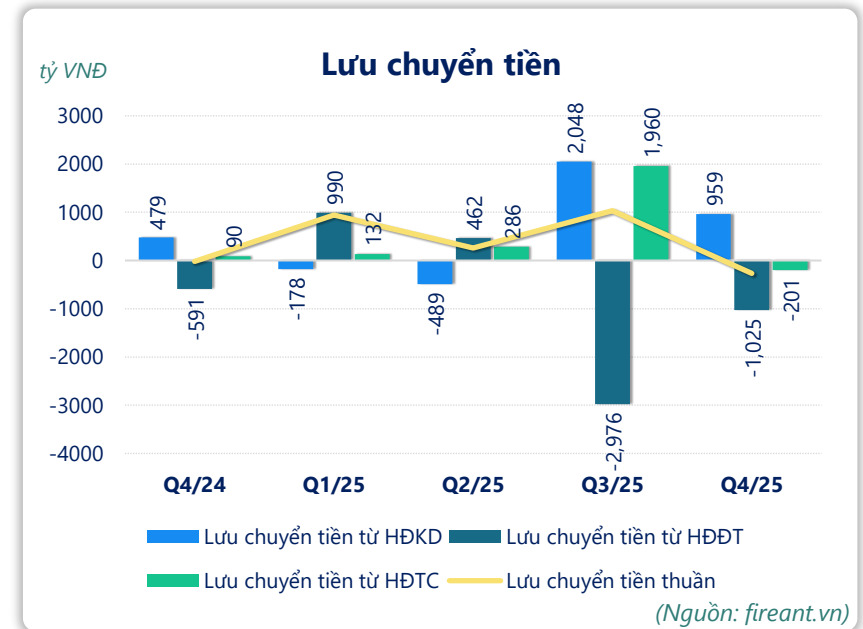
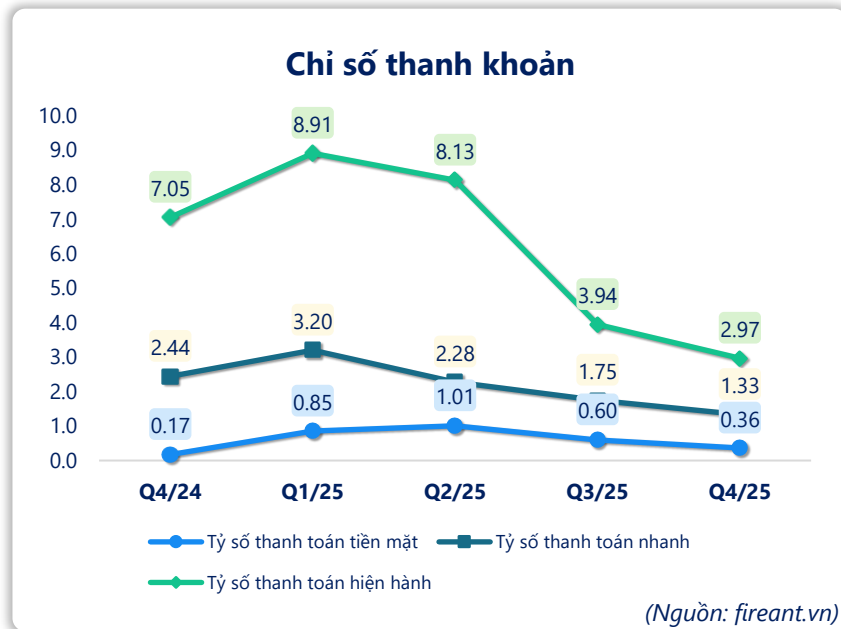
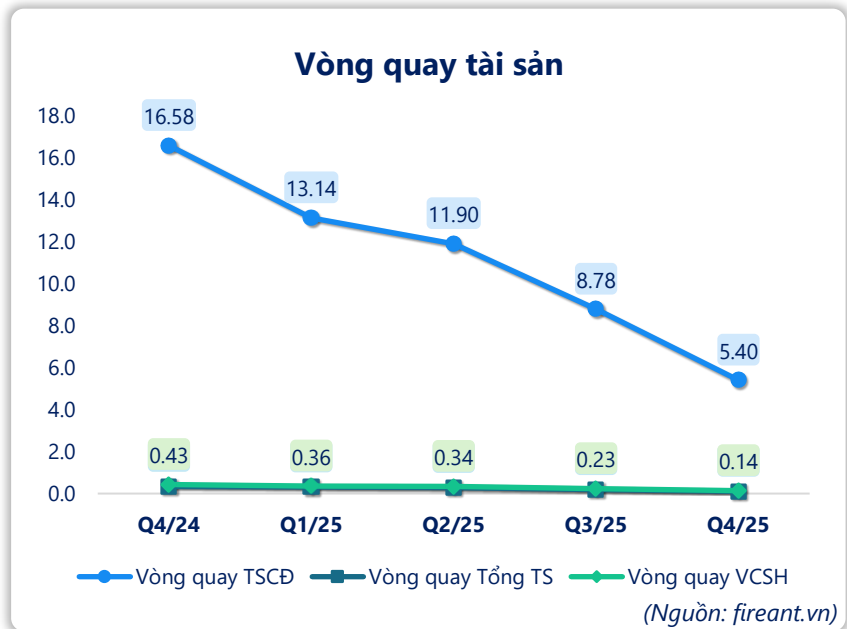
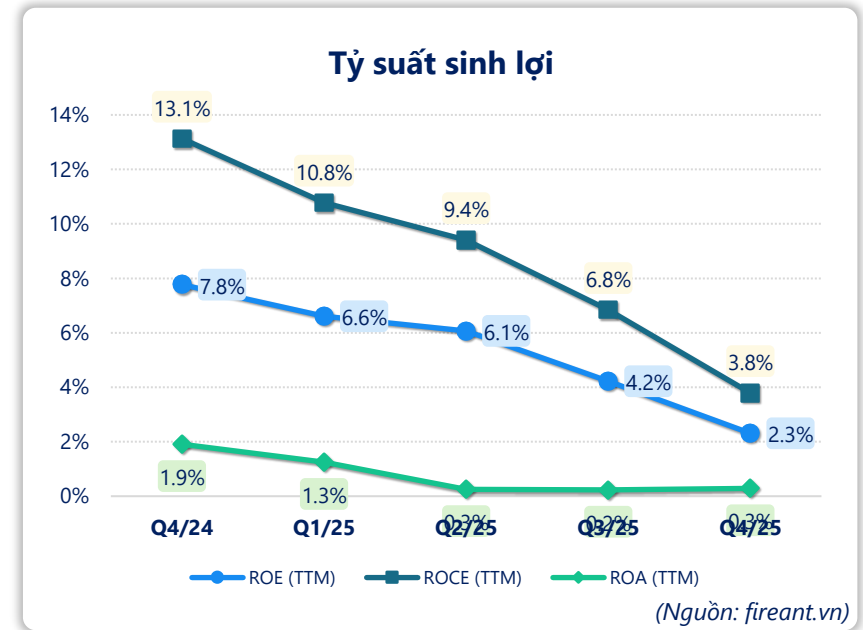
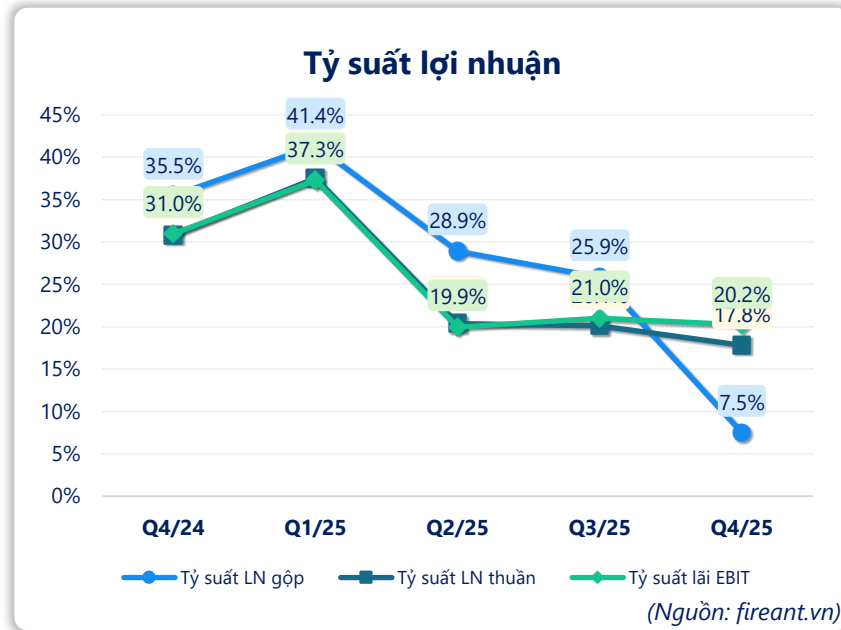
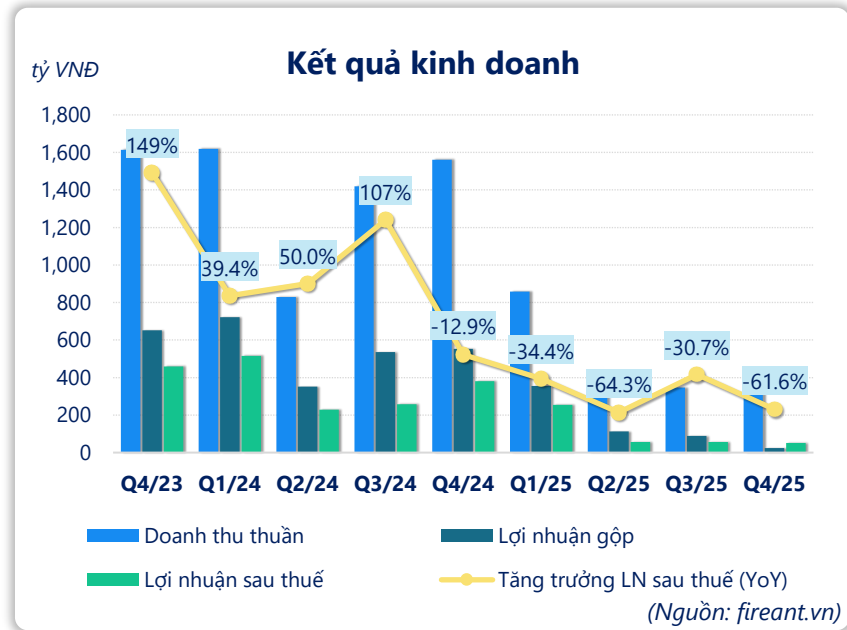


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,619
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,075
SL cổ phiếu LH		912,109,224
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,717,000
% sở hữu nước ngoài		10.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16,692
P/E		52.5
EPS		349

	YTD	1T	3T	6T
TCH	47.2%	-11.8%	-13.1%	-3.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	21,121	15,349	37.6%
Tài sản ngắn hạn	18,894	13,264	42.4%
Tiền và tương đương tiền	2,293	324	608%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,579	3,413	34.2%
Phải thu ngắn hạn	1,263	670	88.5%
Hàng tồn kho	10,403	8,676	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	356	181	96.5%
Tài sản dài hạn	2,227	2,084	6.9%
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	350	358	-2.3%
Bất động sản đầu tư	1,536	1,672	-8.1%
Tài sản dở dang	5.93	12.5	-52.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	248	0	
Tài sản dài hạn khác	87.5	42.1	108%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,850	2,072	231%
Nợ ngắn hạn	6,369	1,880	239%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	593	748	-20.8%
Nợ dài hạn	482	191	152%
Vay và nợ thuê dài hạn	390	89.7	335%
Nguồn vốn chủ sở hữu	14,271	13,277	7.5%
Vốn chủ sở hữu	14,271	13,277	7.5%
Vốn điều lệ	9,121	6,682	36.5%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,561	859	390	346	317
Giá vốn hàng bán	1,007	503	278	257	293
Lợi nhuận gộp	554	355	113	89.4	23.7
Doanh thu HĐTC	32.7	45.4	36.1	40.2	82.7
Chi phí TC	9.49	-0.39	11.8	0	1.79
Chi phí lãi vay	0.39	-0.39	0.09	0	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	74.3	52.2	36.0	31.6	29.8
Chi phí QLDN	21.3	26.7	21.7	28.4	18.4
LN thuần từ HĐKD	481	322	79.5	69.6	56.5
Lợi nhuận khác	1.65	-1.80	-1.76	3.08	7.67
LN trước thuế	483	320	77.8	72.7	64.1
Lợi nhuận sau thuế	380	255	56.2	56.3	51.4
LNST của CĐ cty mẹ	307	188	37.9	40.2	52.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	479	-178	-489	2,048	959
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-591	990	462	-2,976	-1,025
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	89.7	132	286	1,960	-201
Tiền đầu kỳ	347	324	1,268	1,528	2,560
Lưu chuyển tiền thuần	-22.2	944	259	1,032	-267
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.63	0.23	0.00	0.02	-0.07
Tiền cuối kỳ	324	1,268	1,528	2,560	2,293

(Nguồn: fireant.vn)